

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2017/HSST
Ngày 10-8- 2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Phong Lan;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Bình;
2. Bà Phạm Thị Bích Ngọc.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan - Cán bộ
Tòa án nhân dân Quận Lê Chân;

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân tham gia phiên tòa: Ông
Hoàng Quốc Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành
phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 81/2017/HSST ngày 29 tháng
6 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Duy T1, Sinh ngày 30/11/1973; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số
32 gác 2 Đ, phường Đ, quận N, Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 3/15/51 D, phường
D, quận L, thành phố Hải Phòng; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn
giáo: Không; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; con ông: Nguyễn Duy T
(đã chết); con bà: Nguyễn Thị C, sinh năm 1948; có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm
1974 (đã ly hôn); và hai con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2001; tiền
án: 05 tiền án (đã được xóa án tích); bị tạm giữ ngày 15/3/2017; tạm giam ngày
20/3/2017. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Thị Kim T2, Sinh ngày 08/5/1972; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số
43/128 T, phường A, quận L, Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Không có nơi ở cố định;
Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: không; Trình
độ học vấn: 10/10; con ông: Bùi Trọng K; con bà: Phạm Thị Kim T (đều đã chết);
có chồng là: Dương Đồng A, sinh năm 1969, trú tại ngõ 20 T, quận L, Hải Phòng
(đã ly hôn). Chồng thứ hai là Nguyễn Mạnh C sinh năm 1978, có 03 con, con lớn
sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày
15/3/2017; tạm giam ngày 20/3/2017. Có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Nguyễn Duy T1 và Bùi Thị Kim T2 bị Viện kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 13/3/2017, T1 thuê xe ôm đi đến khu vực chắn tàu đường T, quận L, Hải Phòng để mua ma túy về sử dụng. Đến khu vực chắn tàu, T1 xuống xe đi bộ về hướng đường tàu cầu T được khoảng 10m gặp và hỏi mua của một phụ nữ không quen biết 01 gói ma túy “đá” với giá 500.000 đồng. Mua được ma túy, T1 cất vào túi quần rồi thuê xe ôm đi về ngã 4 C để lấy xe mô tô biển kiểm soát 15B2-253.71 là xe T1 cho M (quen biết ngoài xã hội) mượn. Lấy được xe, T1 gọi điện thoại rủ bạn gái là Bùi Thị Kim T2 đi chơi, T2 đồng ý bảo T1 đến ngõ 20 T đón T2. T1 gặp T2 thì T2 bảo T1 chờ đến nhà C, trú tại số 1/585 N, Lê Chân, Hải Phòng. Trên đường đi đến ngã 4 P, T1 dừng xe mặc áo mưa rồi đưa cho T2 gói ma túy và bảo T2 “Cầm hộ anh cái này”. (Do đã cùng T1 sử dụng ma túy “đá” nên T2 biết túi nylon T1 đưa là ma túy). T2 cầm túi nylon T1 đưa rồi T1 tiếp tục chờ T2 đến nhà C. Khi đến nhà C, C và T2 ngồi tại phòng hát tầng 1 nhà C nói chuyện, T1 ngồi chơi điện tử. Khoảng 10’ sau, Thương là bạn gái của C mang 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy “đá” (trong đó đã có sẵn ma túy) vào để ở bà và A châm lửa đốt mời T2 và T1 sử dụng. T2 hút được một lần thì đưa sang cho T1, T1 sử dụng một lần rồi bảo T2 đi về. Khi T2, T1 về đến khu vực cổng chùa Đ thì bị Tổ công tác Công an phường K, quận L, Hải Phòng kiểm tra. Do sợ bị phát hiện nên T2 ngồi sau xe đã vứt gói ma túy từ tay trái xuống đất cạnh chỗ T2 đứng thì bị tổ công tác phát hiện bắt giữ T2 và T1 cùng vật chứng, ngoài ra còn thu giữ của T2 số tiền 13.500.000 đồng; 01 điện thoại di động Mobistar B242; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7; thu giữ của T1 01 xe máy BKS 15B2-253.71 và 01 điện thoại di động Nokia 110i; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J2, sau đó cơ quan Công an đã đưa T2 và T1 về trụ sở lập biên bản để điều tra, xử lý.

Tại cơ quan điều tra, T2 và T1 khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Ngoài ra T2 còn khai: Do C nợ T2 tiền mua loa, âm-li của T2 nên T2 đến nhà C để đòi tiền, C trả cho T2 15.000.000 đồng nhưng T2 không đếm lại. T2 biết túi nylon mà T1 nhờ T2 cầm hộ là ma túy “đá” vì T2 thường xuyên sử dụng ma túy với T1 nhưng T2 không biết nguồn gốc số ma túy T1 đưa cho T2.

Tại Kết luận giám định số 517/PC54(MT) ngày 17/3/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận: “trọng lượng Methamphetamine có trong 1,8764 gam tinh thể thu giữ của Bùi Thị Kim T2 gửi giám định là 1,2571 gam”.

Tại Cáo trạng số 106/CT-VKS ngày 26/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị cáo Nguyễn Duy T1 và Bùi Thị Kim T2 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy vi phạm khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Duy T1 và Bùi Thị Kim T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân, Hải Phòng thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Duy T1 và Bùi Thị Kim T2 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy vi phạm khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự và đề nghị:

- Về hình phạt:

Áp dụng Khoản 1 Điều 194, Điều 53, Điểm p Khoản 1 Điều 46 BLHS 1999; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017; khoản 1 Điều 249 BLHS 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T1 mức án từ 30 đến 36 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T1.

Áp dụng Khoản 1 Điều 194, Điều 53, Điểm p Khoản 1 Điều 46 BLHS 1999; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017; khoản 1 Điều 249 BLHS 2015: Xử phạt bị cáo Bùi Thị Kim T2 mức án từ 12 đến 15 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T2

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự :

Tịch thu tiêu hủy lượng ma túy còn lại sau giám định đã niêm phong.

Đối với 01 điện thoại di động Mobistar B242; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 và số tiền 13.500.000đồng thu giữ của bị cáo T2 và 01 điện thoại di động Nokia 110i; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J2 thu giữ của bị cáo T1, Xét đây là tài sản riêng của các bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho các bị cáo, nhưng cần tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án đối với các bị cáo.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 15B2-253.71 thu giữ khi bắt giữ T1, Nguyễn Duy T1 khai nhận là xe của H (Chưa xác minh được lai lịch) bạn của T1 mượn tiền của T1 và để lại chiếc xe trên làm tin. Qua điều tra xác minh chủ xe là chị Trần Thị M, sinh năm 1976, chỗ ở hiện nay: Tổ 9 phường B, K A, Hải Phòng. Chị M khai nhận đã bị mất xe và giấy tờ xe vào tháng 7/2016 tại số 203 H, K A, Hải Phòng nhưng không trình báo với cơ quan Công an nên Cơ quan điều tra đã tiếp tục lưu giữ chiếc xe trên để điều tra, xác minh, xử lý sau

Đối với người nữ giới bán ma túy cho T1 tại khu vực đường tàu T, quận L, Hải Phòng. T1 khai không biết tên tuổi địa chỉ nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận L không có căn cứ để điều tra, xử lý.

Đối với Đặng Đình C, sinh năm 1971, Đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 22/143 T, quận L, Hải Phòng là người thuê nhà số 1/585 Ng, L, Hải Phòng và Trần Thị A, sinh năm 1996, đăng ký thường trú tại xóm 3, xã H, Đ, Thái Nguyên

là người mời T2 và T1 sử dụng ma túy tại nhà C thuê ở số 1/585 Nguyễn Văn L, hiện tại A và C đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân khởi tố điều tra trong vụ án khác.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang; tang vật của vụ án đã thu giữ; kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Bị cáo Nguyễn Duy T1 đã có hành vi mua 1,2571 gam Methamphetamine mục đích để sử dụng cho bản thân; Bùi Thị Kim T2 đã có hành vi cất giữ trái phép 1,2571 gam Methamphetamine hộ T1 và bị bắt quả tang. Theo hướng dẫn tại điểm d Mục 3.7 phần II Thông tư số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC –BTP Ngày 24 tháng 12 năm 2007 “ *Người nào biết người khác mua chất ma túy để sử dụng trái phép.... thì người đó đồng phạm với người mua về tội tàng trữ...* ”

Như vậy HĐXX có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Duy T1 và bị cáo Bùi Thị Kim T2 đồng phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo Khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước trong việc quản lý chất gây nghiện và là nguyên nhân gây lên các tệ nạn xã hội, các bệnh dịch nguy hiểm cho con người, bị xã hội lên án nên phải xử lý nghiêm.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Vụ án có đồng phạm là đồng phạm giản đơn. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi của bị cáo T1 cao hơn bị cáo T2, bị cáo T2 thực hiện với vai trò thứ yếu.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS:

Nhân thân bị cáo Nguyễn Duy T1 có 05 tiền án: Tại Án số 40/HSST ngày 16/5/1991, Tòa án nhân dân quận N xử 15 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích (khi phạm tội bị cáo chưa thành niên). Thời hạn tù kể từ ngày 01/12/1990, người đại diện hợp pháp của bị can là bà Nguyễn Thị C phải nộp 15.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 225.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Án số 14/PTHS ngày 11/3/1994, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử 15 tháng tù tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Thời hạn tù kể từ ngày 22/10/1993, bị can phải nộp 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 225.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp ngày 19/9/1994; Án số 479 ngày 14/12/1996, Tòa án nhân dân thành phố Hải

Phòng xử 3 năm tù tội Cường đoạt tài sản của công dân. Thời hạn tù kể từ ngày 27/5/1996, bị can phải nộp 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 275.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bồi thường cho những người bị hại 5.510.000 đồng. Đã nộp án phí ngày 20/6/2008, bồi thường dân sự người bị hại không có đơn yêu cầu; Án số 281/HSST ngày 01/11/2004, Tòa án nhân dân quận L xử 39 tháng tù tội Cố ý gây thương tích và Gây rối trật tự công cộng. Thời hạn tù kể từ ngày 20/6/2004, bị can phải nộp 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bồi thường cho những người bị hại 5.000.000 đồng. Đã nộp án phí ngày 14/12/2004, bồi thường dân sự người bị hại không có đơn yêu cầu; Án số 125/2009/HSST ngày 10/12/2009, Tòa án nhân dân quận N xử 05 năm tù về tội Cố ý gây thương tích và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thời hạn tù kể từ ngày 09/7/2009, bị can phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, đã nộp án phí ngày 10/12/2009. Cả 05 Tiền án này bị cáo đã được xóa, nên việc phạm tội lần này của bị cáo T1 không bị coi là tái phạm, nhưng thể hiện bị cáo T1 có nhân thân xấu, ý thức chấp hành pháp luật kém, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, buộc bị cáo T1 phải cách ly khỏi xã hội một thời gian dài để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Song xét thấy tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần khi quyết định hình phạt.

Theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành của Bộ luật Hình sự năm 2015 số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung thì:

b) Các điều khoản của Bộ luật Hình sự 2015 xóa bỏ một tội phạm... và các quy định có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử....”

h) Thực hiện các quy định tại Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015 và điểm b khoản 1 Điều này.

Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015 quy định:

“3.Điều luật xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, quy định một hình phạt nhẹ hơn, một tình tiết giảm nhẹ mới hoặc mở rộng phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích và quy định khác có lợi cho người phạm tội, thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi có điều luật đó có hiệu lực thi hành”

HĐXX xét thấy tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại Khoản 1 Điều 249 BLHS 2015 có khung hình phạt nhẹ hơn tội Tàng trữ trái phép chất ma

túy quy định tại Khoản 1 Điều 194 BLHS 1999 nên được áp dụng để quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Do các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không nghề nghiệp và thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, theo quy định tại Khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Đối với lượng ma túy thu giữ của các bị cáo sau khi lấy mẫu gửi giám định còn lại đã được niêm phong, xét đây là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu huỷ theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự .

Đối với 01 điện thoại di động Mobistar B242; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 và số tiền 13.500.000đồng thu giữ của bị cáo T2 và 01 điện thoại di động Nokia 110i; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J2 thu giữ của bị cáo T1, Xét đây là tài sản riêng của các bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên không có cơ sở để tịch thu, nhưng cần tạm giữ lại để đảm bảo thi hành khoản tiền án phí đối với các bị cáo.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 15B2-253.71 thu giữ khi bắt giữ T1, Nguyễn Duy T1 khai nhận là xe của Hà (Chưa xác minh được lai lịch) bạn của T1 mượn tiền của T1 và để lại chiếc xe trên làm tin. Qua điều tra xác minh chủ xe là chị Trần Thị M, sinh năm 1976, chỗ ở hiện nay: Tổ 9 phường B, KA, Hải Phòng. Chị M khai nhận đã bị mất xe và giấy tờ xe vào tháng 7/2016 tại số 203 H, KA, Hải Phòng nhưng không trình báo với cơ quan Công an nên Cơ quan điều tra đã tiếp tục lưu giữ chiếc xe trên để điều tra, xác minh, xử lý sau

Đối với người nữ giới bán ma túy cho T1 tại khu vực đường tàu T, quận L, Hải Phòng. T1 khai không biết tên tuổi địa chỉ nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân không có căn cứ để điều tra, xử lý.

Đối với Đặng Đình C, sinh năm 1971, Đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 22/143 T, quận L, Hải Phòng là người thuê nhà số 1/585 Ng, L, Hải Phòng và Trần Thị A, sinh năm 1996, đăng ký thường trú tại xóm 3, xã H, Đ, Thái Nguyên là người mời T2 và T1 sử dụng ma túy tại nhà C thuê ở số 1/585 Nguyễn Văn L, hiện tại A và C đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân khởi tố điều tra trong vụ án khác.

Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Duy T1 và Bùi Thị Kim T2 đồng phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo Khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017; Khoản 3 Điều 7; Khoản 1 Điều 249 BLHS 2015 đối với bị cáo Nguyễn Duy T1.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017; Khoản 3 Điều 7; Khoản 1 Điều 249 BLHS 2015 đối với bị cáo Bùi Thị Kim T2.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T1 30 (Ba mươi tháng) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 15/3/2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Kim T2 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 15/3/2017.

Áp dụng: điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy lượng ma túy thu giữ của các bị cáo sau khi lấy mẫu gửi giám định, còn lại đã được niêm phong;

Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động Mobistar B242; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 và số tiền 13.500.000đồng thu giữ của bị cáo T2 và 01 điện thoại di động Nokia 110i; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J2 thu giữ của bị cáo T1 để đảm bảo thi hành khoản tiền án phí đối với các bị cáo.

(Số tiền này cơ quan điều tra đã gửi vào Chi cục thi hành án dân sự Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, theo Biên lai thu tiền số 0004019 ngày 27/6/2017)

(Theo đúng biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27/6/2017 giữa Công an Quận Lê Chân và Chi cục Thi hành án dân sự Quận Lê Chân).

- Về án phí hình sự sơ thẩm : Các bị cáo Nguyễn Duy T1 và Bùi Thị Kim T2, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

- Về quyền kháng cáo bản án : Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Quận Lê Chân;
- TAND TP Hải Phòng;
- CA Quận Lê Chân;
- Chi cục THADS Quận Lê Chân;
- Sở Tư pháp Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Phong Lan

HỘI THÂM NHÂN DÂN

THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Phong Lan